

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 9 – 2020

*Về việc xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hà Trọng Tâm.

- Ông Nguyễn Thanh Trường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 746/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: đường 6A, khóm B, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về tài sản và con chung: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lâm Văn L', sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/5/2020 và được bổ sung tại phiên tòa, chị Châu Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 2002 có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017 chị đi nước ngoài làm việc thì ở nhà anh L có người phụ nữ khác. Đầu năm 2020 chị về nước, khi về nhà chị và anh L xảy ra mâu thuẫn, anh L đánh chị và công an xã có lập biên bản xử lý hành chính, xử phạt anh L số tiền 750.000đ. Do đó chị xác định vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Hải N, sinh ngày 05/3/2007. Hiện đang học tại trường THCS Lý Văn Lâm và sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 800.000đ.

\* Tại biên bản hòa giải, anh Phan Hoàng B trình bày về tài sản chung:

Anh xác định vợ chồng chị H có các tài sản chung bao gồm:

+ Một kiến trúc căn nhà cấp 4 do chị H và anh L xây dựng trên đất, nhà trước ngang 4,6m dài 10,5m; nhà sau ngang 7m dài 5,8m. Tổng diện tích 88,9m<sup>2</sup>, nguồn gốc phần đất do chị H và anh L khai phá, tọa lạc tại ấp Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, trị giá phần kiến trúc căn nhà là 200.000.000đ.

+ Phần đất (có kiến trúc căn nhà) ngang mặt tiền 18,14m dài một cạnh 64,1m, một cạnh 72,3m, ngang phía hậu 11,06m. Tổng diện tích 945m<sup>2</sup>, trị giá 472.500.000đ (500.000đ/1m<sup>2</sup>). Nguồn gốc phần đất là của Nhà nước do địa phương cụ thể là Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm quản lý, năm 2002 chị H và anh L về sống trên phần đất này và cải tạo bồi đắp, vì thời điểm này là đất ao chùng, hiện tại phần đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có nộp thuế nhà đất nhưng biên lai thì anh L giữ.

+ Một chiếc xe gắn máy mua đã 07 năm, nhãn hiệu Yamaha Nouvo 5 biên kiểm soát 69C1 251.39 đứng tên anh Lâm Văn L và anh L đang quản lý, sử dụng, trị giá 30.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản 702.500.000đ. Khi ly hôn chị H đồng ý giao đất, kiến trúc nhà và xe cho anh L quản lý, sử dụng và yêu cầu anh L trả lại cho chị H 50% giá trị là 351.250.000đ.

+ Về nợ chung: Nợ anh Lâm Văn L' 05 chỉ vàng 24K, chị đồng ý chia đôi số nợ trên, chị nhận trả cho anh L' 2,5 chỉ vàng 24K. Anh L có trách nhiệm trả cho anh L' 2,5 chỉ vàng 24k.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B và chị H có thay đổi yêu cầu về tài sản chung để chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Lâm Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Châu Thị H chung sống vợ chồng vào năm 2002, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Trường hợp vợ anh kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Hải N, sinh ngày 05/3/2007, từ trước đến nay cháu sống chung với anh, nhưng từ khi chị H về nước thì cháu đến sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ.

- Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị H có các tài sản chung gồm:

+ Một kiến trúc nhà cấp 4 do anh và chị H xây dựng trên đất ngang 4,5m dài 16m do ông H', bà A (cha mẹ ruột anh) cho mượn cất nhà ở tọa lạc tại ấp Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nhà thời điểm xây dựng giá trị 100.000.000đ. Giá trị căn nhà hiện còn lại khoảng 40.000.000đ.

+ Một chiếc xe gắn máy mua năm 2013, nhãn hiệu Yamaha Nouvo 5 biển kiểm soát 69C1 251.39 đứng tên Lâm Văn L và anh đang quản lý, sử dụng, giá trị còn lại khoảng 8.000.000đ.

Sau khi ly hôn, anh đồng ý nhận kiến trúc nhà và xe. Anh giao lại chị H 50% giá trị tài sản. Trường hợp chị H nhận xe thì chị H có trách nhiệm giao lại ½ trị giá.

Đối với phần đất chị H yêu cầu chia là của cha anh tên Lâm Văn H' cho mượn để cất nhà ở nên không đồng ý chia vì không phải là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc phần đất của Lâm Kim Đ, sau đó ông Đ cho con là Lâm Thái S, đến năm 1992 ông S chuyển nhượng lại cho Lâm Văn H'. Hiện phần đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có tờ giao nhượng đất ruộng canh tác và phiếu lấy ý kiến của khu dân cư. Hiện ông Lâm Thái S còn sống nhưng anh không rõ địa chỉ cụ thể nơi sinh sống. Phần đất này theo anh biết trị giá 50.000đ/m<sup>2</sup>.

- Về nợ chung: Có nợ anh Lâm Văn L' 06 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn, anh yêu cầu mỗi người trả 03 chỉ vàng 24k cho anh L'.

\* Tại bản tự khai anh Lâm Văn L' trình bày: Trước đây anh có cho vợ chồng anh L, chị H mượn 14 chỉ vàng 24k (không nhớ thời gian cho mượn), việc cho mượn không làm giấy tờ. Đến năm 2013 vợ chồng anh L có trả được 08 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 06 chỉ vàng 24k chưa trả. Nay anh L chị H ly hôn anh yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả 03 chỉ vàng 24k. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Phan Hoàng B, anh Lâm Văn L' có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Châu Thị H, anh Lâm Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Lâm Hải N, sinh ngày 05/3/2007 hiện cháu đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh L cũng thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu N muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ, anh L thống nhất theo yêu cầu chị H. Xét thấy: Cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, do nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng số tiền là 800.000đ và được bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000đ là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L cũng thống nhất. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện về

tài sản chung nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi yêu cầu, chỉ xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp chị H và anh L không tự thỏa thuận được anh chị có quyền khởi kiện thành vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Về nợ chung: Chị H khai có nợ anh L' 05 chỉ vàng 24k; anh L khai vợ chồng có nợ anh L' 06 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn, mỗi người nhận trả  $\frac{1}{2}$  số nợ cho anh L'. Đối với anh L' xác định anh có cho vợ chồng anh L, chị H mượn 14 chỉ vàng 24k (không nhớ thời gian cho mượn), đến năm 2013 vợ chồng anh L có trả được 08 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 06 chỉ vàng 24k. Nay anh L chị H ly hôn anh yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả 03 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù không có biên nhận nhưng các đương sự thừa nhận khớp nhau số vàng mượn ban đầu là 14 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, chị H xác định sau đó có trả 09 chỉ vàng 24k, anh L' không thừa nhận việc này; đối với anh L xác định vợ chồng có trả 08 chỉ vàng 24k, việc thừa nhận của anh L phù hợp với trình bày và yêu cầu của anh L' nên Hội đồng xét xử chấp nhận anh L chị H có trả 08 chỉ vàng 24k và hiện còn nợ anh L' 06 chỉ vàng 24k, cần buộc anh L và chị H cùng có trách nhiệm hoàn trả cho anh L', cụ thể anh L trả 03 chỉ vàng 24k, chị H trả 03 chỉ vàng 24k.

[7] Do chưa giải quyết về tài sản chung do đó quyền và nghĩa vụ của ông Lâm Văn H' không bị ảnh hưởng nên không đưa ông Lâm Văn H' vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[8] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí trả nợ; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí trả nợ theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Châu Thị H và anh Lâm Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Hải N, sinh ngày 05/3/2007 cho chị Châu Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lâm Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung:

+ Buộc chị Châu Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lâm Văn L' 03 (ba) chỉ vàng 24k.

+ Buộc anh Lâm Văn L có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lâm Văn L' 03 (ba) chỉ vàng 24k.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị H phải chịu 300.000đ, án phí đối với nghĩa vụ trả nợ 813.000đ (vàng 5.420.000đ/chỉ). Tổng số tiền án phí chị H phải chịu 1.113.000đ. Ngày 25 tháng 5 năm 2020, chị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 9.200.000đ theo biên lai số 0001883 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ, chị H được hoàn lại 8.087.000đ khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh L phải nộp 300.000đ, án phí đối với nghĩa vụ trả nợ 813.000đ (vàng 5.420.000đ/chỉ). Tổng số tiền án phí anh L phải chịu 1.113.000đ (Chưa nộp).

+ Anh Lâm Văn L' không phải chịu án phí, ngày 25/8/2020 anh L' đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 750.000đ theo biên lai số 0002336 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)  
Lê Thị Thu**